**Tự chủ tài chính đại học công lập và những vướng mắc cần tháo gỡ**

*Trần Quang Trung*

*Nhóm NCM Hợp tác, liên kết trong sản xuất kinh doanh nông nghiệp*

Tự chủ đại học nói chung và tự chủ tài chính đại học nói riêng theo hướng trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các cơ sở giáo dục đại học công lập là hướng đi đúng đắn, phù hợp với xu hướng phát triển của các trường đại học trên thế giới *(EUA, 2013)*. Tự chủ tài chính cho phép các trường huy động nguồn lực tài chính và duy trì nguồn lực tài chính, đảm bảo việc tuyển chọn lực lượng học thuật tốt nhất, từ đó phát triển học thuật theo hướng sáng tạo đổi mới theo chiến lược của từng trường đại học *(Mai Thị Sen, 2017)*.

Ở Việt Nam, tự chủ đại học đã manh nha hình thành từ những năm đầu của thập kỷ 1990 và từng bước được luật hóa theo tiến trình hướng tới tự chủ toàn diện.[[1]](#footnote-1) Tự chủ tài chính đại học công lập đi chậm hơn và mới chỉ bước đầu được cụ thể hóa tại Nghị định số 43/2006/NĐ-CP.[[2]](#footnote-2) Nhằm thúc đẩy quá trình tự chủ tài chính đại học công lập, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 24/10/2014 về thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập giai đoạn 2014-2017 và Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 quy định cơ chế tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp công lập. Theo đó, các cơ sở giáo dục đại học công lập thực hiện thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động theo Nghị quyết 77 được quyền tự chủ về học thuật và hoạt động chuyên môn, tự chủ về tổ chức bộ máy và nhân sự, tự chủ về tài chính. Cụ thể đối với tự chủ tài chính, cơ sở giáo dục đại học thực hiện thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động được quy định mức thu học phí (mức thu bình quân không vượt quá trần quy định cho từng ngành) và các khoản thu sự nghiệp (theo nguyên tắc bù đắp chi phí và tích lũy hợp lý), trả lương cho giảng viên theo thành tích giảng dạy và nghiên cứu khoa học, sử dụng các nguồn thu theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị, quyết định và chịu trách nhiệm đối với các dự án đầu tư mua sắm từ nguồn hợp pháp của đơn vị, tham gia cung cấp dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước (NSNN) theo cơ chế đặt hàng hoặc đấu thầu, vay vốn và đầu tư ở thị trường tài chính…

Tuy nhiên, quá trình tự chủ tài chính đại học công lập ở nước ta đã diễn ra hết sức chậm chạp. Cho đến nay, dù đã hết thời gian thực hiện thí điểm chính thức theo Nghị quyết 77 (năm 2017) và Chính phủ đã quyết định kéo dài thời gian thực hiện thí điểm cho đến khi có quy định mới nhưng mới có một số rất nhỏ trường đại học công lập (23/172 cơ sở giáo dục đại học, chưa đầy 13,4%) dám “mạo hiểm” bước đầu tự chủ chủ tài chính (tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư), trong khi số đông còn lại vẫn đang tiếp tục nghe ngóng với những âu lo, thậm chí hoang mang chưa dám “cai sữa” NSNN. Bản thân các trường đại học công lập thực hiện tự chủ tài chính cũng bị đánh giá là không hiệu quả hơn so với thời chưa tự chủ.[[3]](#footnote-3) Vì sao lại có tình trạng như vậy??? Phải chăng cơ chế tự chủ tài chính đại học công lập đã “bị lỗi” ngay từ khâu thiết kế? Hay do cơ quan quản lý nhà nước về tài chính đại học công lập còn chưa sẵn sàng về tâm và thế cho tiến trình tự chủ tài chính đại học công lập? Hoặc giả các trường đại học công lập thực hiện tự chủ tài chính vẫn chưa thích ứng kịp với cơ chế tài chính mới, vẫn mang nặng tư duy trông chờ “bầu sữa” NSNN dựa trên cơ chế xin cho, và vì thế, vẫn chưa thể nào sử dụng hết “quyền” tự chủ như luật định?

Trong phạm vi bài viết, chúng tôi mạnh dạn đề cập đến một số vướng mắc cần tháo gỡ nhằm thúc đẩy thực hiện cơ chế tự chủ tài chính đại học công lập tiến tới tự chủ đại học toàn diện.

**Tổng quan về tự chủ tài chính đại học công lập ở Việt Nam**

Trong vài thập niên gần đây, cơ chế và chính sách đối với tài chính đại học công lập của Việt Nam đã có nhiều đổi mới phù hợp với tiến trình tự chủ đại học nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển. Điều này thể hiện ở các văn bản luật và dưới luật[[4]](#footnote-4), nhất là đối với Nghị quyết số 77/NQ-CP và Nghị định số 16/2015/NĐ-NĐ của Chính phủ đã thể hiện rõ mục tiêu đổi mới toàn diện cơ chế tự chủ tài chính đại học công lập theo hướng đẩy mạnh giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các cơ sở giáo dục đại học công lập.

Về mặt tiến trình, tự chủ tài chính đại học công lập chỉ thực sự bắt đầu từ khi Chính phủ ban hành Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006. Kết quả thực thi quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP bước đầu tạo sự chuyển biến tích cực, góp phần nâng cao số lượng và chất lượng dịch vụ công, tạo điều kiện cho người dân có thêm cơ hội lựa chọn, tiếp cận các dịch vụ công với chất lượng ngày càng cao. Tuy nhiên, cơ chế tự chủ tài chính đại học công lập theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP cũng đã bộc lộ những bất cập trong quá trình triển khai thực hiện, đáng chú ý là cơ sở giáo dục đại học chưa được giao quyền tự chủ tài chính một cách đầy đủ, chưa phát huy được khả năng tự chủ tài chính thông qua huy động các nguồn thu từ hoạt động liên doanh, liên kết, mở rộng cung ứng dịch vụ công, đầu tư tài chính… do thiếu đồng bộ và “đủ mạnh” của hệ thống văn bản pháp luật, và Nhà nước vẫn tin dùng cơ chế cấp phát ngân sách cho các trường đại học công lập theo đầu vào nặng tính “xin cho”.

Để khắc phục những bất cập trong quá trình thực hiện cơ chế tự chủ tài chính đại học công lập nói riêng và tự chủ đại học nói chung, Luật Giáo dục đại học 2012 đã ra đời và Chính phủ cũng đã ban hành Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập và đặc biệt là Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 24/10/2014 về thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập giai đoạn 2014-2017. Theo đó, tự chủ tài chính đại học công lập được thiết kế theo hướng các trường đại học công lập quản lý tài chính đề cao tính hiệu quả và minh bạch trên cơ sở thực hiện quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm. Cụ thể, các trường đại học công lập được thực thi các quyền chủ động xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ trong phạm vi nguồn tài chính được sử dụng phù hợp với đặc thù của đơn vị, đa dạng hóa các nguồn thu thông qua thực hiện cơ chế xã hội hóa và cung cấp dịch vụ công sử dụng NSNN theo cơ chế đặt hàng hoặc đấu thầu, sử dụng các nguồn tài chính ngoài NSNN cùng với kinh phí NSNN cấp có hiệu quả để phát triển hoạt động sự nghiệp theo nhu cầu xã hội và thực hiện chế độ tiền lương theo kết quả và hiệu suất lao động. Về cơ bản, các chính sách về tự chủ tài chính đại học công lập mới được triển khai trong những năm gần đây đã phần nào giúp các trường chủ động hơn trong khai thác nguồn thu và quản lý chi tiêu, mở rộng và quảng bá chương trình đào tạo chất lượng cao, liên kết, đào tạo ngắn hạn, dịch vụ tư vấn nhằm nâng cao chất lượng và uy tín để thu hút sinh viên trong và ngoài nước. Các trường thực hiện thí điểm tự chủ tài chính cũng đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, xây dựng các quy chế, định mức chi tiêu phù hợp hơn. Tuy vậy, tự chủ tài chính đại học công lập vẫn còn những nút thắt về cơ chế cũng như các vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện. Biểu hiện rõ nét nhất là đến nay mới chỉ có 23/172 trường đại học công lập thực hiện thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động (tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư), trong khi phần lớn trường đại học công lập còn lại chưa sẵn sàng hoặc thậm chí chưa dám nghĩ đến tự chủ tài chính.

**Những vướng mắc trong thực hiện tự chủ tài chính đại học công lập và hệ quả**

Có một thực trạng là khi đề cập tới giáo dục đại học, xã hội đều đánh giá rằng chất lượng đào tạo đại học ở nước ta hiện nay còn thấp, còn có một khoảng cách khá xa so với các nước phát triển trong khu vực và trên thế giới... Thế nhưng đây lại là điều dễ hiểu nếu so sánh trong mối quan hệ đầu ra (chất lượng đào tạo) với đầu vào (đầu tư cho giáo dục đại học) giữa Việt Nam và các nước phát triển. Chẳng hạn, trung bình mỗi sinh viên học tại các trường đại học công lập ở Việt Nam giai đoạn 2015-2020 chỉ phải đóng mức học phí từ 7-10 triệu đồng/năm tùy theo ngành học, trong khi, mức học phí bình quân quy đổi ra đồng VND mà lưu học sinh Việt Nam phải trả cho các trường đại học ở nước ngoài tuỳ theo từng trường và từng ngành đào tạo khoảng từ 300 - 500 triệu đồng/năm (gấp khoảng 50 lần so với Việt Nam).[[5]](#footnote-5) Nếu căn cứ vào lệ GDP bình quân theo đầu người với suất chi đào tạo đại học bình quân đối với chương trình đại trà như ở các nước trong khu vực thì mức học phí tối thiểu năm 2019 được xác định khoảng 79,5 triệu đồng/sinh viên/năm ((gấp khoảng 9 lần so với Việt Nam).[[6]](#footnote-6) Nguyên nhân sâu xa của thực trạng này một phần quan trọng là do các nút thắt về mặt cơ chế tự chủ tài chính đại học công lập và các rào cản trong quá trình thực hiện cơ chế tự chủ tài chính đại học công lập chưa được tháo gỡ. Điều này được thể hiện ở các vấn đề chính sau đây.

*Thứ nhất,* cơ chế tự chủ tài chính đại học công lập đang được xây dựng theo kiểu đầu mở đuôi thắt. Một điều thường thấy trong các điều khoản quy định của các văn bản pháp luật về tự chủ tài chính đại học công lập là “đoạn đầu” được tự chủ nhưng “đoạn sau” lại theo quy định của pháp luật hiện hành. Luật Giáo dục đại học không phải là “luật mẹ” của các luật khác nên vẫn phải thực hiện tất cả các luật khác trong việc chi tiêu, đầu tư, mua sắm. “Cái khó là nếu làm đúng tất cả các luật thì việc thực hiện tự chủ tài chính của các trường đại học công lập rất hạn chế, còn nếu không thực hiện theo hoặc thực hiện không đầy đủ, khi Kiểm toán Nhà nước vào kiểm toán chắc chắn sẽ bị kết luận là không thực hiện đúng quy định của pháp luật, chắc chắn sẽ bị kiến nghị xử lý tài chính”.[[7]](#footnote-7)

Sự thiếu đồng bộ giữa các văn bản luật và dưới luật làm cho môi trường tự chủ tài chính đại học công lập trở nên “khó sống”, cản trở quyền tự chủ tài chính của các trường đại học. Một số ví dụ điển hình như: Nghị định hướng dẫn thực hiện Luật Đầu tư công vẫn chưa được ban hành, trong đó quan trọng nhất là xác định lại nguồn vốn đầu tư của các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư là nguồn vốn gì (vốn do ngân sách để lại, vốn có nguồn gốc ngân sách hay **vốn khác?**) và khấu hao tài sản hình thành từ vốn vay được trích lập vào quỹ phát triển sự nghiệp thì được tính vào nguồn vốn nào?; Luật viên chức hiện hành vẫn áp dụng chế độ “viên chức suốt đời” làm cho việc áp dụng chi trả lương theo vị trí việc làm và trên nguyên tắc hiệu quả công việc chưa thể nào triển khai đầy đủ được; Chủ trương hỗ trợ về thuế, phí, cũng như giá dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng NSNN và giao quyền tự chủ cho các cơ sở giáo dục đại học công lập cung ứng dịch vụ tự quyết định giá theo nguyên tắc bảo đảm bù đắp chi phí và có tích lũy theo chủ trương của Đảng trong Nghị quyết 19/NQ-TW [[8]](#footnote-8) thì đến nay luật và các văn bản dưới luật về thuế, phí vẫn chưa được sửa đổi (ví dụ như miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp để khuyến khích cơ sở giáo dục đại học công lập tự đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; thuế sử dụng đất…); Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập nói chung và cơ sở giáo dục đại học công lập nói chung, trong đó có nội dung tự chủ tài chính, cho đến nay đã hết một “chu kỳ sống” trung bình nhưng vẫn chưa được thực thi một cách đầy đủ do chưa có các “nghị định con” để hướng dẫn thực hiện; Chủ trương thành lập doanh nghiệp đa sở hữu trong trường đại học (Spin-off) cho đến nay vẫn chưa được sửa đổi trong Luật doanh nghiệp và các văn bản dưới luật; Cơ sở giáo dục đại học công lập tự đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên và đầu tư được quản lý, tổ chức hạch toán như doanh nghiệp nhưng cho đến nay các văn bản luật và dưới luật về kế toán vẫn còn áp dụng theo các quy định cũ; Hội đồng trường của cơ sở giáo dục đại học tự quyết định việc sử dụng nguồn tài chính là nguồn thu hợp pháp ngoài NSNN nhưng thực tế bị ràng buộc bởi quy định của Luật Đấu thầu hiện hành;…

Với cơ chế tự chủ tài chính đại học công lập theo kiểu “đầu mở, đuôi thắt” như hiện nay, tự chủ đại học không bị chậm trễ mới là điều khó hiểu, nhất là trong nhiều trường hợp các cơ quan chủ quản và thanh tra, kiểm toán còn vin vào các quy định này để gây khó dễ cho cơ sở giáo dục đại học công lập thực hiện tự chủ. Rõ rang, việc thiếu đồng bộ của hệ thống văn bản pháp luật đang làm chậm tiến trình tự chủ đại học, thậm chí là trái với chủ trương lớn của Đảng về tự chủ đại học nói chung và tự chủ tài chính đại học công lập nói riêng.[[9]](#footnote-9)

*Thứ hai,* phân bổ kinh phí NSNN cho giáo dục đại học đang bị hiểu sai hay cơ quan chức năng “bê trễ” trong việc thực hiện chủ trương tự chủ đại học của Đảng và Nhà nước? Có một thực tế hiển hiện là các trường đại học công lập thực hiện thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động theo Nghị quyết 77/NQ-CP đều bị “cắt” ngay khoản kinh phí NSNN cấp chi thường xuyên. Điều này có thể được hiểu rằng “tự chủ” đồng nghĩa với “tự lo” không? Không thể hiểu rằng tự chủ đại học nói chung và tự chủ tài chính đại học công lập nói riêng theo nghĩa “tự chủ” đồng nghĩa với “tự lo” được, vì rằng nó sẽ không làm cho giáo dục đại học Việt Nam phát triển theo xu hướng chung của thế giới được do không ai hay thực thể nào muốn “rước mối lo” vào mình cả. Hơn nữa, Nghị quyết số 29-NQ/TW và các văn bản khác của Chính phủ như Nghị quyết số 77/NQ-CP và Nghị định số 16/2015/NĐ-CP đã nêu rõ chủ trương đổi mới giáo dục đại học và tiến trình thực hiện tự chủ tài chính đại học công lập hướng đến việc phân bổ kinh phí NSNN theo kết quả đầu ra theo cơ chế đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công.[[10]](#footnote-10) Tuy vậy, đã 5 năm trôi qua tính từ khi Nghị định 16/2015/NĐ-CP ra đời đến nay, các cơ sở và điều kiện để triển khai thực hiện phân bổ kinh phí NSNN cho các cơ sở giáo dục đại học (ví dụ như danh mục sản phẩm và dịch vụ công được sử dụng NSNN, đơn giá dịch vụ, tiêu chí lựa chọn đơn vị cung cấp, tiêu chuẩn đánh giá việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ công…) vẫn chưa được ban hành.

*Thứ ba,* học phí không còn được thực hiện theo quy định “phí, lệ phí” nữa nhưng cũng không theo cơ chế giá dịch vụ đào tạo. Kể từ năm 2015, học phí không còn nằm trong danh mục phí, lệ phí[[11]](#footnote-11) và một lẽ tất nhiên sẽ được chuyển sang thực hiện theo cơ chế giá dịch vụ. Thế nhưng học phí lại không được thực hiện đầy đủ cơ chế giá theo đúng bản chất vốn có của nó như đã được quy định trong Luật giá 2012. Theo đó, cơ sở giáo dục đại học công lập được coi như một đơn vị cung cấp dịch vụ tự quyết định mức học phí trên cơ sở bù đắp chi phí đào tạo và có một phần tích lũy phù hợp với điều kiện cụ thể của từng đơn vị.[[12]](#footnote-12) Nghị định số 16/2015/NĐ-CP cũng đã quy định lộ trình tính đầy đủ chi phí đào tạo để thực hiện cơ chế giá đối với học phí.[[13]](#footnote-13) Tuy nhiên, cho đến nay vẫn chưa có bất động thái nào cho thấy học phí được thực hiện đầy đủ theo cơ chế giá. Hệ quả của thực trạng này là các cơ quan, đơn vị hiểu rất khác nhau về học phí và ứng xử cũng khác nhau trong khi thực thi nhiệm vụ. Cơ quan quản lý thì cho rằng học phí phải được thực hiện theo quy định của Nhà nước, cơ quan thanh tra, kiểm toán lại quan điểm học phí không nằm trong danh mục phí, lệ phí nên phải thuộc diện chịu thuế… trong khi bản thân học phí lại chưa được thực hiện theo cơ chế giá. Mặt khác, việc quy định mức thu học phí chung cho tất cả cơ sở giáo dục đại học công lập và chưa có hệ thống đánh giá và minh bạch thong tin về chất lượng, năng lực của các cơ sở đào tạo… đồng nghĩa với việc đánh đồng tất cả các trường như nhau và do đó không tạo ra sự cạnh tranh lành mạnh để các trường đại học tồn tại và phát triển phù hợp với quy luật thị trường.

*Thứ tư,* trường đại học công lập về cơ bản vẫn chủ yếu dựa vào nguồn thu học phí do khó thực hiện đa dạng hóa các nguồn thu khác. Hiện nay, các nguồn thu từ dịch vụ, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp đồng tư vấn… chưa được khai thác tương xứng với tiềm năng do vướng cơ chế, chính sách liên quan đến đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ công sử dụng NSNN, sử dụng tài sản công (vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên kết), thành lập doanh nghiệp công nghệ đa sở hữu trong trường đại học (Spin-off), đầu tư tài chính, ưu đãi thuế… Hạn chế trong việc phát triển nguồn thu từ dịch vụ, sản xuất kinh doanh và chuyển giao công nghệ, tư vấn… buộc các trường phải dựa vào nguồn thu học phí để trước hết cân đối khoản kinh phí chi thường xuyên bị NSNN cắt và tiếp đó là kinh phí chi hoạt động và chi đầu tư. Dù được tự chủ thu học phí song phải đảm bảo trong khung theo quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP về cơ chế thu, quản lý học phí và Nghị quyết số 77/2014/NQ-CP về thí điểm thực hiện đổi mới cơ chế hoạt động đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập giai đoạn 2014 - 2017. Do vậy, khả năng để nguồn thu đảm bảo bù đắp đủ chi thường xuyên và chi đầu tư tại các trường đại học theo cơ chế tự chủ đòi hỏi sự cân đối không dễ dàng với các trường này. Đặc biệt, đối với các trường đào tào các ngành thiên về công nghệ - kỹ thuật đòi hỏi chi phí đào tạo lớn thì yêu cầu đảm bảo nâng cao chất lượng đào tạo sẽ rất khó khăn để thực hiện. Thậm chí đối với các trường thuộc khối kinh tế - xã hội, mặc dù học phí có thể bù đắp được chi phí đào tạo (chi thường xuyên do đã được nhà nước đầu tư cơ sở vật chất) nhưng nếu chỉ dựa vào học phí thì khó có bước đột phá, khó có thể làm được những việc lớn để tạo ra những trường đẳng cấp quốc tế.

*Thứ năm,* vẫn còn tình trạng trông chờ NSNN và chưa sẵn sàng tinh thần tự chủ tài chính. Cho đến nay mới chỉ có 23/172 trường đại học công lập “dám” nhận trách nhiệm tự đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên và chi đầu tư, một con số rất kiêm tốn so với mục tiêu và kỳ vọng của chủ trương, chính sách phát triển giáo dục theo hướng tự chủ đại học. Phần đông các trường còn lại vẫn đang tiếp tục nghe ngóng với những âu lo, thậm chí hoang mang chưa dám tự chủ. Nguyên nhân chủ yếu có thể được hiểu là do những trường này chưa đủ can đảm “cai sữa” NSNN và một số khác đang lo lắng chưa biết thực hiện tự chủ như thế nào, bắt đầu từ đâu. Cụ thể, nhiều trường đại học công lập còn lúng túng trong xây dựng và triển khai quy chế chi tiêu nội bộ, không có khả năng cân đối thu chi, chưa xây dựng được hệ thống tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động của từng người lao động và do đó không thể chi trả thu nhập theo hiệu quả công việc, khuyến khích, hấp dẫn, thu hút người có năng lực, có trình độ…

**Tài liệu tham khảo:**

Chính phủ (2006), Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

Chính phủ (2015), Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Chính phủ, Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 24/10/2014 về thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với một số cơ sở GDĐH công lập giai đoạn 2014-2017;

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Hội nghị Tổng kết thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các cơ sở GDĐH công lập theo Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 24/10/2014 của Chính phủ giai đoạn 2014 – 2017;

Trần Nguyên (2019), Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của các trường đại học công lập dưới góc nhìn kiểm toán,*Báo Kiểm toán số 37 ra ngày 12-9-2019.*

Mai Thị Sen (2017), Vấn đề tự chủ tài chính của các trường đại học công lập Việt Nam, Tạp chí Tài chính kỳ 2, số tháng 2/2017.

EUA - European University Association (2013), Dimensions of University Autonomy, http://www.university-autonomy.eu.

1. Bằng Luật giáo dục 2005, Luật giáo dục đại học 2012 và Luật Giáo dục đại học sửa đổi 2018. [↑](#footnote-ref-1)
2. Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập. [↑](#footnote-ref-2)
3. Trần Nguyên (2019), Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của các trường đại học công lập dưới góc nhìn kiểm toán, Báo Kiểm toán số 37 ra ngày 12-9-2019. [↑](#footnote-ref-3)
4. Các Luật Giáo dục đại học 2005, 2012 và Luật Giáo dục đại học sửa đổi 2018; Nghị định số 43/2006/NĐ-CP; Nghị định số 49/2006/NĐ-CP; Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 24/10/2014; Nghị định số 86/2015/NĐ-CP; Nghị định số 16/2015/NĐ-CP. [↑](#footnote-ref-4)
5. Mai Thị Sen (2017), Vấn đề tự chủ tài chính của các trường đại học công lập Việt Nam, Tạp chí Tài chính kỳ 2, số tháng 2/2017. [↑](#footnote-ref-5)
6. Phạm Hùng Hiệp (2018): “Chúng tôi thử tính theo GDP đầu người năm 2013 ở ta là 1.900 USD thì chi phí đơn vị là 2.627 USD (khoảng 56 triệu đồng/sinh viên/năm). Đây là chi phí đơn vị hợp lý để tương ứng nằm trên mức trung bình chung của thế giới”. <https://thanhnien.vn/giao-duc/hoc-phi-cua-mot-sinh-vien-bao-nhieu-la-du-995081.html> [↑](#footnote-ref-6)
7. PGS.TS Phan Thị Bích Nguyệt, Hiệu phó Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ chí Minh, Phát biểu tại Hội thảo Cơ chế tự chủ đối với trường đại học công lập, được tổ chức Bởi Kiểm toán Nhà nước ngày 19/3/2019 tại Hà Nội. [↑](#footnote-ref-7)
8. Điểm 1, khoản 4, mục I, phần B của Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. [↑](#footnote-ref-8)
9. Nghị quyết số 19/NQ-TW về đổi mới tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập nhấn mạnh mục tiêu “mở rộng quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị sự nghiệp công lập”, trong đó có trường đại học công lập. [↑](#footnote-ref-9)
10. Điểm 3, khoản 7, mục III, phần B trong Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 của ban Chấp hành Trung ương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Các Điều 19, 21, 22 của Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015; Điểm c, khoản 5, Điều 1 của Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 24/10/2014. [↑](#footnote-ref-10)
11. Phụ lục số 01: Danh mục phí và lệ phí ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015. [↑](#footnote-ref-11)
12. Điều 11 của Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày ngày 20 tháng 6 năm 2012. [↑](#footnote-ref-12)
13. Điều 10 của Nghị định số 15/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 14/2/2015. [↑](#footnote-ref-13)